

Số: 05/2025/TT-TANDTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư
của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao**

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao sau:

1. Thông tư số 01/2015/TT-CA ngày 08 tháng 10 năm 2015 quy định về quy chế làm việc của các Tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản (sau đây gọi là Thông tư số 01/2015/TT-CA);

2. Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết về trách nhiệm của Tòa án nhân dân trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sau đây gọi là Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC);

3. Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết về trình tự nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu tại Tòa án và chỉ định Hòa giải viên (sau đây gọi là Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC);

4. Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên (sau đây gọi là Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC);

5. Thông tư số 01/2022/TT-TANDTC ngày 15 tháng 12 năm 2022 quy định việc phân công Thẩm phán giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án (sau đây gọi là Thông tư số 01/2022/TT-TANDTC);

6. Thông tư số 03/2023/TT-TANDTC ngày 28 tháng 12 năm 2023 hướng dẫn thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự (sau đây gọi là Thông tư số 03/2023/TT-TANDTC);

7. Thông tư số 01/2024/TT-TANDTC ngày 11 tháng 4 năm 2024 quy định công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân (sau đây gọi là Thông tư số 01/2024/TT-TANDTC);

8. Thông tư số 03/2024/TT-TANDTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn của Văn phòng, Vụ thuộc Tòa án nhân dân cấp cao (sau đây gọi là Thông tư số 03/2024/TT-TANDTC).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2015/TT-CA

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 2 như sau:

“1. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật phá sản được thành lập ở Tòa án nhân dân khu vực để giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

2. Trong thời hạn giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực căn cứ vào tính chất của vụ việc phá sản quyết định thành lập Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. Tổ Thẩm phán do Tòa án nhân dân cấp tỉnh thành lập để giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản của Tòa án nhân dân khu vực.

2. Tổ Thẩm phán do Tòa án nhân dân cấp tỉnh thành lập để giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân khu vực.”.

3. Bỏ cụm từ “trực thuộc trung ương” tại khoản 4 Điều 10.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án

1. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao

a) Là đơn vị thường trực giúp việc cho lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao trong việc theo dõi, đôn đốc việc thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sau đây gọi là Luật); là đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

b) Tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tham mưu đề xuất việc bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới đảm bảo phù hợp với quy định của Luật.

c) Tham mưu cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

d) Tham mưu cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.

2. Trách nhiệm của Học viện Tòa án

- a) Xây dựng tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, giảng dạy về hòa giải, đối thoại tại Tòa án.
- b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại đối với những người được tuyển chọn để bổ nhiệm Hòa giải viên.
- c) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải, đối thoại đối với Hòa giải viên, Thẩm phán, công chức, viên chức và người lao động của Tòa án.
- d) Tổ chức giảng dạy cho các đối tượng khác về hòa giải, đối thoại tại Tòa án.
- đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.

3. Trách nhiệm của Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao

- a) Tham mưu cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về công tác tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Hòa giải viên.
- b) Theo dõi, quản lý, cập nhật danh sách Hòa giải viên.
- c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.

4. Trách nhiệm của Cục Kế hoạch - Tài chính Tòa án nhân dân tối cao

- a) Tham mưu, giúp lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao lập dự toán, tổng hợp dự toán chi tiết kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội quyết định.
- b) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí và sử dụng tài sản trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án của các Tòa án và đơn vị dự toán thuộc Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật về hòa giải, đối thoại tại Tòa án và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
- c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.

5. Trách nhiệm của Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao

- a) Tham mưu, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác thống kê, tổng hợp, đánh giá, cung cấp số liệu thống kê trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án.
- b) Xây dựng hệ thống Sổ nghiệp vụ, biểu mẫu thống kê.
- c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, tổ chức tập huấn về công tác thống kê, tổng hợp và lưu trữ hồ sơ trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án.
- d) Định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin thống kê về hòa giải, đối thoại theo yêu cầu của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.
- đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.

6. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin Tòa án nhân dân tối cao

a) Tham mưu, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

b) Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án liên thông với các phần mềm có liên quan áp dụng thống nhất cho Tòa án các cấp.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, tổ chức tập huấn về sử dụng phần mềm trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

d) Định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin dữ liệu trên hệ thống phần mềm về hòa giải, đối thoại tại Tòa án mà Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao chưa tổng hợp, thống kê được từ hệ thống phần mềm thống kê theo yêu cầu của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.

7. Các đơn vị khác thuộc Tòa án nhân dân tối cao căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình chủ trì, phối hợp thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Luật hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án

1. Trách nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án

a) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, lập danh sách, xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm Hòa giải viên; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên tại Tòa án nhân dân khu vực thuộc tỉnh mình theo quy định của pháp luật.

b) Phân công công chức, người lao động tại các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án mình thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Trên cơ sở tài sản và kinh phí được Tòa án nhân dân tối cao phân bổ để giao kinh phí cho các đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý đảm bảo đúng quy định, sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí; hướng dẫn sử dụng, kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản và kinh phí.

d) Định kỳ hàng năm hoặc khi cần thiết, tổ chức rút kinh nghiệm, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải, đối thoại cho Hòa giải viên làm việc tại Tòa án nhân dân khu vực.

đ) Xem xét, giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh về việc buộc thôi làm Hòa giải viên đối với Hòa giải viên làm việc tại Tòa án nhân dân khu vực.

e) Báo cáo về hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án của các Tòa án nhân dân khu vực thuộc tỉnh mình.

g) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành bằng các hình thức khác nhau.

h) Thực hiện và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ khác về hòa giải, đối thoại tại Tòa án mình theo quy định.

2. Các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp Chánh án thực hiện những trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này và những trách nhiệm sau đây:

a) Lập dự toán, tổng hợp dự toán, quản lý kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân hai cấp thuộc tỉnh mình;

b) Quản lý, theo dõi vụ việc hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

c) Quản lý, cập nhật danh sách Hòa giải viên, việc sử dụng thẻ của Hòa giải viên, kết quả giải quyết vụ việc của Hòa giải viên tại Tòa án nhân dân khu vực;

d) nắm bắt thông tin về trình độ, năng lực thực tiễn, nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn của Hòa giải viên tại Tòa án nhân dân khu vực, báo cáo Tòa án nhân dân tối cao để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng;

đ) Xây dựng báo cáo về hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân khu vực trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án

1. Trách nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân khu vực trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án

a) Tổ chức thực hiện việc tuyển chọn, tiếp nhận hồ sơ và lập danh sách những người đủ điều kiện để đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét bổ nhiệm Hòa giải viên, đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc xử lý vi phạm đối với Hòa giải viên theo quy định của pháp luật.

b) Phân công công chức, người lao động tại các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án mình thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Phân công Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại đối với mỗi vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính.

d) Phân công Thẩm phán khác tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án trong trường hợp Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại tại Tòa án không thể tham gia vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

đ) Phân công Thẩm phán xem xét ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án.

- e) Tổ chức việc hỗ trợ, hướng dẫn Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại.
- g) Đánh giá, nhận xét kết quả hoạt động của Hòa giải viên.
- h) Bố trí địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện khác để phục vụ cho hoạt động hòa giải, đối thoại.
- i) Định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết, tổ chức rút kinh nghiệm về hoạt động hòa giải, đối thoại; hỗ trợ việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho Hòa giải viên.
- k) Báo cáo về hoạt động hòa giải, đối thoại theo yêu cầu của Tòa án cấp trên.
- l) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành bằng các hình thức khác nhau.
- m) Thực hiện và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ khác về hòa giải, đối thoại tại Tòa án mình theo quy định.

2. Các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân khu vực tham mưu, giúp Chánh án thực hiện những trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này và những trách nhiệm sau đây:

- a) Chuẩn bị cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án, chi trả thù lao cho Hòa giải viên; thu, chi và quyết toán chi phí hòa giải, đối thoại;
- b) Tiếp nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, xác định vụ việc đủ điều kiện hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- c) Giao, nhận hồ sơ vụ việc trong quá trình hòa giải, đối thoại và trong quá trình xem xét công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án;
- d) Quản lý, theo dõi vụ việc hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- đ) Lập dự toán, quản lý tài sản, kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án của đơn vị;
- e) Quản lý, cập nhật danh sách Hòa giải viên, việc sử dụng thẻ của Hòa giải viên, kết quả giải quyết vụ việc của Hòa giải viên;
- g) Đánh giá nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn của Hòa giải viên, báo cáo Tòa án nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Tòa án nhân dân tối cao;
- h) Lưu trữ các giấy tờ, tài liệu trong quá trình hòa giải, đối thoại tại Tòa án và công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án;
- i) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hòa giải, đối thoại của Hòa giải viên tại Tòa án mình theo từng tháng;
- k) Xây dựng báo cáo về hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- l) Thực hiện nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ hoặc theo sự phân công của lãnh đạo Tòa án.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Tòa án nhân dân khu vực bố trí phòng làm việc của Hòa giải viên, phòng hòa giải, đối thoại và cơ sở vật chất khác phục vụ hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án mình. Phòng làm việc của Hòa giải viên và phòng hòa giải, đối thoại được đặt tại trụ sở Tòa án.”.

5. Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại Điều 1.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 và các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Các biểu mẫu

Ban hành kèm theo Thông tư này là các biểu mẫu sau đây:

1. Biểu mẫu sử dụng trong quá trình hòa giải tại Tòa án

a) Mẫu số 01-HG: Thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên.

b) Mẫu số 02-HG: Thông báo lần thứ 2 về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên.

c) Mẫu số 03-HG: Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện/người yêu cầu về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên.

d) Mẫu số 04-HG: Thông báo về ý kiến của Hòa giải viên (Đối với trường hợp Hòa giải viên được lựa chọn không thuộc danh sách Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc).

đ) Mẫu số 05-HG: Thông báo về ý kiến của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc (Đối với trường hợp Hòa giải viên được lựa chọn không thuộc danh sách Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc).

e) Mẫu số 06-HG: Quyết định chỉ định Hòa giải viên.

g) Mẫu số 07-HG: Thông báo về việc chuyển vụ việc sang hòa giải.

h) Mẫu số 08-HG: Giấy mời tham gia phiên hòa giải.

i) Mẫu số 09-HG: Giấy mời tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải.

k) Mẫu số 10-HG: Thông báo hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải.

l) Mẫu số 11-HG: Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải.

m) Mẫu số 12-HG: Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án.

n) Mẫu số 13-HG: Quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án.

o) Mẫu số 14-HG: Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án.

p) Mẫu số 15-HG: Quyết định không công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án.

2. Biểu mẫu sử dụng trong quá trình đối thoại tại Tòa án

a) Mẫu số 01-ĐT: Thông báo về quyền lựa chọn đối thoại và lựa chọn Hòa giải viên.

b) Mẫu số 02-ĐT: Thông báo lần thứ 2 về quyền lựa chọn đối thoại và lựa chọn Hòa giải viên.

c) Mẫu số 03-ĐT: Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn đối thoại, lựa chọn Hòa giải viên.

d) Mẫu số 04-ĐT: Thông báo về ý kiến của Hòa giải viên (Đối với trường hợp Hòa giải viên được lựa chọn không thuộc danh sách Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện).

đ) Mẫu số 05-ĐT: Thông báo về ý kiến của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc (Đối với trường hợp Hòa giải viên được lựa chọn không thuộc danh sách Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện).

e) Mẫu số 06-ĐT: Quyết định chỉ định Hòa giải viên.

g) Mẫu số 07-ĐT: Thông báo về việc chuyển vụ việc sang đối thoại.

h) Mẫu số 08-ĐT: Giấy mời tham gia phiên đối thoại.

i) Mẫu số 09-ĐT: Giấy mời tham gia phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại.

k) Mẫu số 10-ĐT: Thông báo hoãn phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại.

l) Mẫu số 11-ĐT: Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại.

m) Mẫu số 12-ĐT: Quyết định công nhận kết quả đối thoại thành tại Tòa án.

n) Mẫu số 13-ĐT: Quyết định không công nhận kết quả đối thoại thành tại Tòa án.”;

b) Thay thế các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC bằng các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC

Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 5 và Điều 6.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Thủ tục đề xuất số lượng Hòa giải viên

a) Sau tổng kết công tác năm, căn cứ vào số lượng vụ, việc thụ lý, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh) giao số lượng Hòa giải viên.

b) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu, đề xuất số lượng Hòa giải viên của các Tòa án nhân dân khu vực thuộc thẩm quyền quản lý về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ).

c) Sau khi Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao số lượng Hòa giải viên đối với từng Tòa án nhân dân khu vực thuộc thẩm quyền quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Thông báo nhu cầu tuyển chọn Hòa giải viên

Căn cứ nhu cầu và định biên số lượng Hòa giải viên đã được phê duyệt, Tòa án nhân dân khu vực thông báo tuyển chọn Hòa giải viên và đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, niêm yết tại trụ sở của Tòa án nhân dân khu vực đã thông báo trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo, niêm yết.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh cấp thẻ Hòa giải viên cho người được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên của Tòa án nhân dân khu vực thuộc thẩm quyền quản lý.”.

4. Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại điểm b khoản 1 Điều 4 và khoản 2 Điều 18.

5. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm đ khoản 2 Điều 7.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-TANDTC

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Thẩm phán giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực được phân công giải quyết án theo chỉ tiêu do Tòa án nhân dân tối cao quy định. Thẩm phán nữ trong thời gian 03 tháng trước khi nghỉ chế độ thai sản và 03 tháng sau khi hết thời gian nghỉ chế độ thai sản được phân công giải quyết án với chỉ tiêu tối đa bằng 50% so với Thẩm phán khác.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Chánh án Tòa án, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao có thể ủy quyền việc phân công giải quyết án cho Phó Chánh án Tòa án, Phó Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng Chánh án Tòa án, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phân công giải quyết án tại Tòa án mình.”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Thẩm phán thuộc trường hợp được phân công giải quyết án phải lập thành danh sách theo trình tự như sau (gọi là Danh sách Thẩm phán):”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 9 như sau:

“2. Căn cứ Danh sách Thẩm phán và Danh sách vụ việc theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này, tại mỗi lần phân công, Chánh án Tòa án, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao quyết định phân công Thẩm phán giải quyết án bằng phương thức ngẫu nhiên theo trình tự sau đây cho đến khi hết Danh sách vụ việc:

- a) Thẩm phán có số lượng vụ việc đang giải quyết ít hơn sẽ được phân công trước;
- b) Trường hợp các Thẩm phán có số lượng vụ việc đang giải quyết ngang nhau thì phân công cho Thẩm phán có số lượng vụ việc đang tạm đình chỉ giải quyết nhiều hơn trước;
- c) Trường hợp các Thẩm phán có số lượng vụ việc đang giải quyết ngang nhau; số lượng vụ việc đang tạm đình chỉ giải quyết ngang nhau thì phân công cho Thẩm phán có số lượng vụ việc quá hạn luật định ít hơn trước;
- d) Trường hợp các Thẩm phán có số lượng vụ việc đang giải quyết, vụ việc đang tạm đình chỉ, vụ việc quá hạn luật định ngang nhau thì phân công cho Thẩm phán có số lượng vụ việc bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan trong thời hạn 01 năm kể từ ngày phân công ít hơn trước;
- đ) Trường hợp các Thẩm phán có tiêu chí tại điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 7 ngang nhau thì phân công cho Thẩm phán có tên đứng trước trong bảng chữ cái tiếng Việt trước;
- e) Trường hợp Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc thuộc hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này thì phải phân công vụ việc tiếp theo trong Danh sách vụ việc.

3. Lần phân công giải quyết án tiếp theo, căn cứ vào Danh sách Thẩm phán đã được cập nhật thông tin đến thời điểm phân công án để tiếp tục phân công giải quyết án bằng phương thức ngẫu nhiên theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều này.

Ví dụ: Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Y có 05 Thẩm phán trong Danh sách Thẩm phán. Thẩm phán A đang giải quyết 10 vụ việc, trong đó, có 03 vụ việc đang tạm đình chỉ, 02 vụ việc quá hạn luật định; 02 vụ việc bị hủy sửa. Thẩm phán B đang giải quyết 12 vụ việc, trong đó, có 03 vụ việc đang tạm đình chỉ, không có vụ việc quá hạn luật định, không có vụ việc bị hủy sửa. Thẩm phán C đang giải quyết 12 vụ việc, trong đó, có 01 vụ việc đang tạm đình chỉ, không có vụ việc quá hạn luật định; không có vụ việc bị hủy sửa. Thẩm phán D đang giải quyết 12 vụ việc, trong đó, có 01 vụ việc đang tạm đình chỉ, có 01 vụ việc quá hạn luật định, không có vụ việc bị hủy sửa. Thẩm phán Đ đang giải quyết 12 vụ việc, trong đó, không có vụ việc đang tạm đình chỉ, có 01 vụ việc quá hạn luật định, có 01 vụ việc bị hủy sửa.

Ngày 01/8/2025, Tòa án thụ lý 09 vụ việc được đánh số từ 01 đến 09. Danh sách Thẩm phán được sắp xếp theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này là Thẩm phán A, B, C, D, Đ. Chánh án Tòa án quyết định phân công giải quyết án bằng phương thức ngẫu nhiên theo thứ tự như sau:

- Lần 1: Thẩm phán A vụ án số 01; Thẩm phán B vụ án số 02; Thẩm phán C vụ án số 03; Thẩm phán D vụ án số 04; Thẩm phán Đ vụ án số 05.

- Lần 2: Thẩm phán A vụ án số 06; Thẩm phán B vụ án số 07; Thẩm phán C vụ án số 08; Thẩm phán D vụ án số 09.

Ngày 03/8/2025, Tòa án thụ lý 11 vụ việc được đánh số từ 10 đến 20. Danh sách Thẩm phán được sắp xếp theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này là Thẩm phán A, Đ, B, D, C (do Thẩm phán D có thêm 01 vụ việc tạm đình chỉ). Chánh án Tòa án quyết định phân công giải quyết án ngẫu nhiên theo thứ tự như sau:

- Lần 1: Thẩm phán A vụ án số 10; Thẩm phán Đ vụ án số 11; Thẩm phán B vụ án số 12; Thẩm phán D vụ án số 13; Thẩm phán C vụ án số 14.

- Lần 2: Thẩm phán A vụ án số 15; Thẩm phán Đ vụ án số 16; Thẩm phán B vụ án số 17; Thẩm phán D vụ án số 18; Thẩm phán C vụ án số 19.

- Lần 3: Thẩm phán A vụ án số 20.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Phân công giải quyết án trong trường hợp thay đổi Thẩm phán

Vụ việc đã được Chánh án Tòa án, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao phân công nhưng Thẩm phán được phân công thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi; không thể tiếp tục giải quyết, xét xử theo đúng thời hạn pháp luật quy định vì lý do khách quan thì Chánh án Tòa án, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao phân công Thẩm phán khác giải quyết theo phương thức chỉ định.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, Chánh án Tòa án, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao

1. Thẩm phán phải kịp thời thông báo cho Chánh án Tòa án, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao hoặc bộ phận lập Danh sách Thẩm phán khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có sự thay đổi số lượng vụ việc đang được giao giải quyết; vụ việc đang tạm đình chỉ; vụ việc quá hạn luật định; vụ việc bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan trong thời hạn 01 năm đến ngày báo cáo;

b) Thuộc trường hợp hướng dẫn tại Điều 5 và Điều 11 Thông tư này.

2. Khi tổ chức phân công giải quyết án, Chánh án Tòa án, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức công tác tiếp nhận, thụ lý các vụ việc theo đúng quy định của pháp luật;

b) Phân công Thẩm phán giải quyết, xét xử vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Thông tư này;

c) Xác định và quyết định các trường hợp Thẩm phán không được phân công giải quyết án;

d) Công khai kết quả phân công giải quyết án bằng phương thức chỉ định và ngẫu nhiên theo hình thức phù hợp tại Tòa án;

đ) Giám sát tiến độ, đôn đốc các Thẩm phán giải quyết các vụ việc được phân công đảm bảo đúng thời hạn pháp luật quy định.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Chánh án Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự, Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Công nghệ thông tin Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu, xây dựng phần mềm phân công giải quyết án ngẫu nhiên theo phương thức tự động dưới sự hỗ trợ của thiết bị điện tử để áp dụng chung, thống nhất tại các Tòa án.

3. Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc phân công giải quyết án tại các Tòa án. Trường hợp phát hiện vi phạm thì báo cáo, đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét trách nhiệm, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc đề xuất, kiến nghị thì phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao để có hướng dẫn kịp thời.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2023/TT-TANDTC

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 2 như sau:

“6. “Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cấp tỉnh” bao gồm: Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 6 như sau:

“đ) Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự khu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm; vụ án mà khi xử lý có ảnh hưởng lớn đến chính trị, đối ngoại; vụ án mà người phạm tội là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp tỉnh trở lên, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc thiểu số.”.

3. Thay thế một số cụm từ tại một số điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “ít người” bằng cụm từ “thiểu số” tại khoản 8 Điều 2;

b) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “địa phương” tại các điểm c, d, g khoản 5 Điều 3;

c) Thay thế cụm từ “khoản 1 Điều 268” bằng cụm từ “khoản 3 Điều 268” tại khoản 1 Điều 6.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2024/TT-TANDTC

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng thi đua

1. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Học viện Tòa án.

2. Tòa án quân sự các cấp.
3. Các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh).
4. Các Tòa án nhân dân khu vực.
5. Các tập thể nhỏ thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.
6. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (kể cả đang trong thời gian tập sự) làm việc trong các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Cụm thi đua

1. Các cụm thi đua trong Tòa án nhân dân được thực hiện theo Quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh Quyết định thành lập các cụm thi đua trong Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp khu vực... phù hợp với phong trào thi đua tại cơ sở.

2. Quy chế hoạt động của các cụm thi đua trong Tòa án nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành; Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của các cụm thi đua trong Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp khu vực...

3. Trưởng cụm, Phó Trưởng cụm thi đua do cụm thi đua bầu hàng năm; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân; Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp. Trưởng cụm thi đua tổ chức, chỉ đạo hoạt động của cụm thi đua và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan, đơn vị về mọi hoạt động của cụm thi đua.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 18 như sau:

“2. Danh hiệu “Cờ thi đua Tòa án nhân dân” được xét tặng hàng năm cho những tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Là tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm thi đua trong Tòa án nhân dân, được lựa chọn trong số những tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;
- b) Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;
- c) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác;
- d) Được ít nhất 2/3 số đơn vị trong Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh, thành phố, cụm thi đua (đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Học viện Tòa án, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự các cấp) bình xét, bỏ phiếu tín nhiệm đề nghị là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua; ưu tiên đơn vị có nhân tố mới, mô hình mới để những tập thể khác trong Tòa án nhân dân học tập.

3. Đối với các đơn vị Tòa án nhân dân khu vực, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở thực hiện xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua Tòa án nhân dân” theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

“4. Mỗi tỉnh, thành phố được lựa chọn, giới thiệu không quá 01 đơn vị Tòa án nhân dân khu vực đủ điều kiện để cử thi đua Tòa án nhân dân bình xét, đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ”.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Những trường hợp đề nghị xét khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải làm báo cáo thành tích để trình bày tại cuộc họp bình xét thi đua, khen thưởng của tập thể nhỏ hoặc của Tòa án nhân dân khu vực (đối với trường hợp thuộc Tòa án nhân dân khu vực). Sau khi xem xét, đánh giá thành tích, tiến hành bỏ phiếu lựa chọn cá nhân, tập thể đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo trình tự từ thấp lên cao. Người đứng đầu tập thể nhỏ, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực lập hồ sơ những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề nghị xét khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trình “Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở” hoặc “Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị” (đối với các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao không có con dấu, tài khoản riêng) để xem xét.

Thành phần “Hội nghị thi đua, khen thưởng của đơn vị” gồm: Tập thể lãnh đạo đơn vị; đại diện lãnh đạo: cấp ủy, đoàn thanh niên, tập thể nhỏ thuộc đơn vị (nếu có); đối với những đơn vị có lãnh đạo, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sinh hoạt cùng thì mời tham dự để chỉ đạo.

Đối với cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua Tòa án nhân dân” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số công chức, viên chức, người lao động trong tập thể nhỏ hoặc trong Tòa án nhân dân khu vực; đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số công chức, viên chức, người lao động trong tập thể nhỏ hoặc trong Tòa án nhân dân khu vực (nếu có cá nhân vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, Biên bản xét khen thưởng).”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau:

“3. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở (Học viện Tòa án, Báo Công lý, Tạp chí Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh) cho cá nhân, tập thể gồm:

a) Tờ trình của người đứng đầu tập thể nhỏ, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực kèm theo danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị xét khen thưởng theo Mẫu chung ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Biên bản cuộc họp bình xét thi đua, khen thưởng của tập thể nhỏ, Tòa án nhân dân khu vực và Biên bản kiểm phiếu;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị xét khen thưởng theo Mẫu ban hành kèm theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao. Trường hợp báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét khen thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” có đề tài, sáng kiến phải nêu rõ nội dung đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc áp dụng trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35 như sau:

“1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng; tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích của cá nhân, tập thể và chịu trách nhiệm về việc đề nghị khen thưởng.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 37 như sau:

“1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở (Học viện Tòa án, Báo Công lý, Tạp chí Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị Quyết định thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng; đối với Tòa án quân sự các cấp do Chánh án Tòa án quân sự Trung ương quyết định.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Người đứng đầu đơn vị có chức năng giúp việc cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực, các Phó Chủ tịch khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

c) Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo: cấp ủy đảng và một số đơn vị nhỏ thuộc cơ quan, đơn vị (đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân cấp tỉnh có từ 01 đến 02 Ủy viên là Chánh án Tòa án nhân dân khu vực).”.

9. Thay thế cụm từ “cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên” bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên” tại khoản 2 Điều 12.

10. Bỏ cụm từ tại một số điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “Tòa án nhân dân cấp cao” tại khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 31, khoản 2 Điều 33 và khoản 1 Điều 39;

b) Bỏ cụm từ “, công đoàn Tòa án nhân dân tối cao” tại điểm c khoản 2 Điều 36;

c) Bỏ cụm từ “Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao,” tại Điều 45.

Điều 9. Bãi bỏ Thông tư số 03/2024/TT-TANDTC

Bãi bỏ Thông tư số 03/2024/TT-TANDTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Vụ thuộc Tòa án nhân dân cấp cao.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. *for*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ 02 bản;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tài chính;
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC (để thực hiện);
- Công Thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC; Vụ PC&QLKH).



CHÁNH ÁN

Lê Minh Trí

Mẫu số 01-HG¹ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TA

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO

VỀ QUYỀN LỰA CHỌN HÒA GIẢI VÀ LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN

Kính gửi: ⁽²⁾

Địa chỉ: ⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Là Người khởi kiện/Người yêu cầu trong vụ việc: ⁽⁴⁾

Xét thấy vụ việc thuộc trường hợp hòa giải tại Tòa án.

Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 16 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Tòa án nhân dân ⁽⁵⁾ thông báo cho ⁽⁶⁾ biết:

⁽⁷⁾ có quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn 01 Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án ⁽⁸⁾ hoặc Tòa án nhân dân khu vực khác trên cùng phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh để tiến hành hòa giải đối với vụ việc nêu trên. Trường hợp lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên thuộc Tòa án nhân dân khu vực khác với Tòa án nơi tiến hành hòa giải thì phải có sự đồng ý của Hòa giải viên được lựa chọn và Tòa án nơi Hòa giải viên đó làm việc.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo này, ⁽⁹⁾ phải trả lời bằng văn bản cho Tòa án biết về việc đồng ý hoặc không đồng ý hòa giải tại Tòa án và họ tên, địa chỉ của Hòa giải viên mà mình lựa chọn (nếu có việc lựa chọn Hòa giải viên) về địa chỉ hoặc trả lời vào hòm thư điện tử, hoặc số fax

Trường hợp ⁽¹⁰⁾ trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến thì Tòa án sẽ lập biên bản ghi nhận ý kiến.

Kèm theo Thông báo này là danh sách Hòa giải viên tại Tòa án nhân dân ⁽¹¹⁾

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

CHÁNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Mẫu này thay thế Mẫu số 01-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-HG:

(1) (5) (8) và (11) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (5) (8) và (11) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).

(2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(4) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.

(6), (7), (9) và (10) Nếu là cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị như hướng dẫn tại điểm (2) mà không phải ghi họ tên (ví dụ: cho Ông, cho Bà biết); nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó như hướng dẫn tại điểm (2).

Mẫu số 02-HG² (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TA

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO LẦN THỨ 2

VỀ QUYỀN LỰA CHỌN HÒA GIẢI VÀ LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN

Kính gửi: ⁽²⁾

Địa chỉ: ⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Là người khởi kiện/người yêu cầu trong vụ việc: ⁽⁴⁾

Xét thấy vụ việc thuộc trường hợp hòa giải tại Tòa án.

Căn cứ khoản 4 và khoản 5 Điều 16 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Tòa án nhân dân ⁽⁵⁾ thông báo lần thứ hai cho ⁽⁶⁾

..... biết:

⁽⁷⁾ có quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn 01 Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án ⁽⁸⁾ hoặc Tòa án nhân dân khu vực khác trên cùng phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh để tiến hành hòa giải đối với vụ việc nêu trên. Trường hợp lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên thuộc Tòa án nhân dân khu vực khác với Tòa án nơi tiến hành hòa giải thì phải có sự đồng ý của Hòa giải viên được lựa chọn và Tòa án nơi Hòa giải viên đó làm việc.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo này, ⁽⁹⁾ phải trả lời bằng văn bản cho Tòa án biết về việc đồng ý hoặc không đồng ý hòa giải tại Tòa án và họ tên, địa chỉ của Hòa giải viên mà mình lựa chọn (nếu có việc lựa chọn Hòa giải viên) về địa chỉ hoặc trả lời vào hòm thư điện tử, hoặc số fax

Trường hợp ⁽¹⁰⁾ trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến thì Tòa án sẽ lập biên bản ghi nhận ý kiến.

Hết thời hạn nêu trên mà ⁽¹¹⁾ không trả lời thì Tòa án sẽ tiến hành các thủ tục hòa giải theo quy định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

CHÁNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

² Mẫu này thay thế Mẫu số 02-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02-HG:

(1) (5) và (8) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (5) (8) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).

(2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(4) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.

(6), (7), (9), (10) và (11) Nếu là cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị như hướng dẫn tại điểm (2) mà không phải ghi họ tên (ví dụ: cho Ông, cho Bà biết); nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó như hướng dẫn tại điểm (2).

Mẫu số 03-HG³ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
GHI NHẬN Ý KIẾN CỦA NGƯỜI KHỞI KIẾN/NGƯỜI YÊU CẦU
VỀ VIỆC LỰA CHỌN HÒA GIẢI, LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN

Hồi giờ phút ngày tháng năm

Tại

Người ghi nhận ý kiến:⁽¹⁾

đã tiến hành ghi nhận ý kiến của⁽²⁾

Địa chỉ:..... Là người khởi kiện/người
yêu cầu trong vụ việc⁽³⁾

Ý kiến của người khởi kiện /người yêu cầu như sau:

1. Lựa chọn hòa giải: Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐
2. Lựa chọn Hòa giải viên: Có ☐ Không ☐

Hòa giải viên được lựa chọn: ⁽⁴⁾.....Địa chỉ.....

.....

Thuộc danh sách Hòa giải viên của Tòa án⁽⁵⁾

Biên bản này được lập thành hai bản, một bản giao cho người khởi kiện/
người yêu cầu và một bản lưu hồ sơ vụ việc. Biên bản đã được đọc lại cho người
khởi kiện/người yêu cầu nghe và họ không có ý kiến gì khác.

NGƯỜI KHỞI KIẾN/ NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký tên, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

NGƯỜI GHI NHẬN Ý KIẾN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

³ Mẫu này thay thế Mẫu số 03-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định
tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 03-HG:

- (1) Ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ của người ghi nhận ý kiến và địa chỉ của Tòa án nơi ghi nhận ý kiến.
- (2) Ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ và địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người trình bày ý kiến.
- (3) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.
- (4) và (5) Ghi thông tin mục này khi người khởi kiện, người yêu cầu có sự lựa chọn Hòa giải viên.

Mẫu số 04-HG⁴ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
VỀ Ý KIẾN CỦA HÒA GIẢI VIÊN
(Đối với trường hợp Hòa giải viên được lựa chọn không thuộc danh sách
Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc)

Kính gửi: - Tòa án nhân dân⁽¹⁾
- Tòa án nhân dân⁽²⁾
- (3)

Tôi tên là:

Là Hòa giải viên thuộc danh sách Hòa giải viên tại Tòa án ⁽⁴⁾

Tôi được người khởi kiện/người yêu cầu lựa chọn để tiến hành hòa giải đối
với vụ việc⁽⁵⁾ giữa⁽⁶⁾ và
..... do Tòa án nhân dân ⁽⁷⁾ đang giải quyết.

Ý kiến của tôi như sau: Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Vậy, tôi thông báo cho Tòa án nhân dân⁽⁸⁾, Tòa án
nhân dân⁽⁹⁾ và người
khởi kiện/người yêu cầu trong vụ việc trên được biết.

HÒA GIẢI VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

⁴ Mẫu này thay thế Mẫu số 04-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định
tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 04-HG:

- (1) (7) và (8) Ghi tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết vụ việc.
- (2) (4) và (9) Ghi tên Tòa án nhân dân nơi Hòa giải viên làm việc.
- (3) Ghi tên người khởi kiện/người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.
- (6) Ghi tên người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện như hướng dẫn tại điểm (3).

Mẫu số 05-HG⁵ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TA

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
VỀ Ý KIẾN CỦA TÒA ÁN NƠI HÒA GIẢI VIÊN LÀM VIỆC
(Đối với trường hợp Hòa giải viên không thuộc danh sách Hòa giải viên của
Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc)

Kính gửi: - Tòa án nhân dân⁽²⁾

- Ông/Bà⁽³⁾

Là Hòa giải viên thuộc danh sách Hòa giải viên tại Tòa án⁽⁴⁾

.....
Tòa án nhân dân⁽⁵⁾ nhận được ý kiến đồng ý làm
Hòa giải viên của Ông/Bà⁽⁶⁾ đối với vụ
việc⁽⁷⁾
giữa⁽⁸⁾ và do
Tòa án nhân dân⁽⁹⁾ đang giải quyết theo
Thông báo của Hòa giải viên ngày

Ý kiến của Tòa án nhân dân⁽¹⁰⁾ như sau:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tòa án nhân dân⁽¹¹⁾ thông báo cho Tòa án
nhân dân⁽¹²⁾ và Hòa giải viên được biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

CHÁNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁵ Mẫu này thay thế Mẫu số 05-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 05-HG:

- (1) (4) (5) (10) và (11) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (4) (5) (10) và (11) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).
- (2) (9) và (12) Ghi tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết vụ việc như hướng dẫn tại điểm (4).
- (3) và (6) Ghi họ tên Hòa giải viên được lựa chọn.
- (7) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.
- (8) Ghi tên và địa chỉ của người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

Mẫu số 06-HG⁶ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:/...../QĐ-CĐHGV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH HÒA GIẢI VIÊN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽²⁾

Căn cứ các điều 16, 17 và 19 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án⁽³⁾;

Xét đơn khởi kiện/đơn yêu cầu ngày và các tài liệu, chứng
cứ liên quan đến vụ việc ⁽⁴⁾

giữa: ⁽⁵⁾ và

Xét ⁽⁶⁾

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định Ông/Bà.....thuộc danh sách Hòa giải viên
tại Tòa án ⁽⁷⁾
làm Hòa giải viên tiến hành hòa giải đối với vụ việc nêu trên.

2. Hòa giải viên có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Hòa giải, đối
thoại tại Tòa án.

3. Hòa giải viên, các bên tham gia hòa giải chịu trách nhiệm thi hành quyết
định này.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký⁽⁸⁾.

Nơi nhận:

- Người khởi kiện/người yêu cầu;
- Người bị kiện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hòa giải viên⁽⁹⁾;
- Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**THẨM PHÁN PHỤ TRÁCH
HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁶ Mẫu này thay thế Mẫu số 06-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định
tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 06-HG:

- (1) và (2) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (2) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).
- (3) Trường hợp thay đổi Hòa giải viên theo căn cứ quy định tại Điều 18 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì bổ sung thêm căn cứ Điều 18.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.
- (5) Ghi tên và địa chỉ của người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện; nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).
- (6) Tùy từng trường hợp quy định tại Điều 17 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án mà ghi cơ sở đề ra quyết định chỉ định Hòa giải viên là “Xét lựa chọn Hòa giải viên của người khởi kiện/người yêu cầu”, “Xét lựa chọn Hòa giải viên của người khởi kiện/người yêu cầu và sự đồng ý của Hòa giải viên được lựa chọn và Tòa án nơi Hòa giải viên đó làm việc”, “Xét thỏa thuận lựa chọn Hòa giải viên của các bên”, “Xét việc người khởi kiện/người yêu cầu không lựa chọn Hòa giải viên”. Nếu là quyết định thay đổi Hòa giải viên theo sự đề nghị của người bị kiện thì ghi “Xét đề nghị thay đổi Hòa giải viên của người bị kiện”.
- (7) Ghi tên Tòa án nhân dân nơi Hòa giải viên làm việc theo hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Trường hợp thay đổi Hòa giải viên thì ghi thêm cụm từ “và thay thế Quyết định số ngày”.
- (9) Trường hợp thay đổi Hòa giải viên thì gửi quyết định cho Hòa giải viên được chỉ định và cho Hòa giải viên bị thay đổi.

Mẫu số 07-HG⁷ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO **VỀ VIỆC CHUYỂN VỤ VIỆC SANG HÒA GIẢI**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽²⁾

Căn cứ các điều 16, 17 và 19 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Xét đơn khởi kiện/đơn yêu cầu ngày và các tài liệu, chứng
cứ liên quan đến vụ việc ⁽³⁾

giữa:⁽⁴⁾ và

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽⁵⁾

THÔNG BÁO:

1. Tòa án nhân dân ⁽⁶⁾đã chuyển vụ việc sang
hòa giải.

2. Thông báo cho:⁽⁷⁾
biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo này,
người bị kiện phải trả lời cho Tòa án biết về việc đồng ý hoặc không đồng ý tiến
hành hòa giải và Hòa giải viên đã được chỉ định. Người bị kiện có thể trả lời
bằng văn bản về địa chỉ hoặc trả lời vào hòm thư điện tử
....., hoặc số fax

Trường hợp người bị kiện trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến thì Tòa án
lập biên bản ghi nhận ý kiến.

Nơi nhận:

- Người khởi kiện/người yêu cầu;
- Người bị kiện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hòa giải viên;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN PHỤ TRÁCH
HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁷ Mẫu này thay thế Mẫu số 07-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định
tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 07-HG:

(1) (2) và (6) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: (1) và (2) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (6) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).

(3) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.

(4) và (5) Ghi tên và địa chỉ của người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(7) Ghi tên người được gửi thông báo. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

Mẫu số 08-HG⁸ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN...⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/20...../GM-HG

....., ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY MỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI

Kính gửi:⁽²⁾

Địa chỉ:⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Tòa án nhân dân ⁽⁴⁾ kính mời Ông/Bà đúng giờ phút,
ngày tháng năm, có mặt tại⁽⁵⁾ (địa chỉ) để
tham gia hòa giải về việc ⁽⁶⁾..... giữa:

Người khởi kiện/người yêu cầu:

Người bị kiện:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nội dung khởi kiện/yêu cầu: ⁽⁷⁾

1

2

Sự có mặt của Ông/Bà với thiện chí và nỗ lực sẽ giúp việc giải quyết
tranh chấp/yêu cầu nhanh chóng và hiệu quả.

Nếu Ông/Bà có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với Hòa giải viên
⁽⁸⁾....., số điện thoại..... để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

HÒA GIẢI VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

⁸ Mẫu này thay thế Mẫu số 08-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định
tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 08-HG:

- (1) và (4) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực gửi giấy mời (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (4) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).
- (2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).
- (5) Ghi rõ địa điểm, địa chỉ sẽ diễn ra phiên hòa giải.
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.
- (7) Ghi tóm tắt nội dung các yêu cầu của người khởi kiện/ người yêu cầu.
- (8) Ghi tên Hòa giải viên được chỉ định hòa giải vụ việc.

Mẫu số 09-HG⁹ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN...⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/20...../GM-HG

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY MỜI
THAM GIA PHIÊN HỌP GHI NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI

Kính gửi:⁽²⁾

Địa chỉ:⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Tòa án nhân dân ⁽⁴⁾ kính mời Ông/Bà đúng giờ phút,
ngày tháng năm, có mặt tại Tòa án nhân dân
(*địa chỉ*) để tham gia phiên họp
ghi nhận kết quả hòa giải về việc ⁽⁵⁾ giữa:

Người khởi kiện/người yêu cầu:

Người bị kiện:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nội dung khởi kiện/yêu cầu: ⁽⁶⁾

1

2

Sự có mặt của Ông/Bà với thiện chí và nỗ lực sẽ giúp việc giải quyết
tranh chấp/yêu cầu nhanh chóng và hiệu quả.

Nếu Ông/Bà có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với Hòa giải viên
⁽⁷⁾, số điện thoại để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

HÒA GIẢI VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

⁹ Mẫu này thay thế Mẫu số 09-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 09-HG:

- (1) và (4) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực gửi giấy mời (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (4) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).
- (2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.
- (6) Ghi tóm tắt nội dung các yêu cầu của người khởi kiện/người yêu cầu.
- (7) Ghi tên Hòa giải viên được chỉ định hòa giải vụ việc.

Mẫu số 10-HG¹⁰ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN...⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/20...../TB-HG

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO HOÃN PHIÊN HỌP GHI NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI

Kính gửi:⁽²⁾

Địa chỉ:⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Thành phần tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải gồm có:

- Hòa giải viên:

- Người khởi kiện/người yêu cầu: ⁽⁴⁾

Địa chỉ: ⁽⁵⁾

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện/người yêu cầu: ⁽⁶⁾

Địa chỉ: ⁽⁷⁾

- Người bị kiện: ⁽⁸⁾

Địa chỉ: ⁽⁹⁾

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ⁽¹⁰⁾

Địa chỉ: ⁽¹¹⁾

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽¹²⁾

Địa chỉ: ⁽¹³⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽¹⁴⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁵⁾

- Người phiên dịch: ⁽¹⁶⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁷⁾

- Thẩm phán tham gia phiên họp: ⁽¹⁸⁾

¹⁰ Mẫu này thay thế Mẫu số 10-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Theo dự kiến, ngày ... tháng ... năm ..., phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải giữa⁽¹⁹⁾ và diễn ra tại Tòa án nhân dân..... Tuy nhiên, xét thấy⁽²⁰⁾
Căn cứ⁽²¹⁾

Hòa giải viên hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải nêu trên. Thời gian mở lại phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải sẽ được thông báo sau.

Nếu Ông/Bà có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với Hòa giải viên qua số điện thoại..... để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

HÒA GIẢI VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 10-HG:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).

(2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(4), (5), (8), (9), (12), (13), (16) và (17) Ghi như hướng dẫn tại điểm (2) và (3).

(6), (7), (10), (11), (14) và (15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(18) Ghi tên Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại hoặc Thẩm phán khác do Chánh án Tòa án phân công tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải.

(19) Ghi tên người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện như hướng dẫn tại điểm (2).

(20) Ghi rõ lý do của việc hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (ví dụ: Xét thấy người bị kiện đã được Hòa giải viên thông báo hợp lệ mà vắng mặt vì bị tai nạn lao động phải đi cấp cứu tại bệnh viện,...).

(21) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng Điều 29 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Mẫu số 11-HG¹¹ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN...⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
GHỊ NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 20...

Tại Tòa án nhân dân ⁽²⁾

I. Thành phần tham gia:

- Hòa giải viên:

- Người khởi kiện/người yêu cầu: ⁽³⁾

Địa chỉ: ⁽⁴⁾

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện/người yêu cầu:

⁽⁵⁾

Địa chỉ: ⁽⁶⁾

- Người bị kiện: ⁽⁷⁾

Địa chỉ: ⁽⁸⁾

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ⁽⁹⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁰⁾

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽¹¹⁾

Địa chỉ: ⁽¹²⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽¹³⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁴⁾

- Người phiên dịch: ⁽¹⁵⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁶⁾

- Thẩm phán tham gia phiên họp: ⁽¹⁷⁾

Đã tiến hành phiên hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp/yêu cầu ⁽¹⁸⁾

II. Kết quả hòa giải:

Quá trình hòa giải tại Tòa án đã được tiến hành phù hợp và theo đúng quy định, trên tinh thần chủ động và tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội hoặc trốn tránh nghĩa

¹¹ Mẫu này thay thế Mẫu số 11-HG ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

vụ đối với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Kết quả hòa giải cụ thể như sau:

2.1. Những nội dung các bên đã thỏa thuận, thống nhất được:⁽¹⁹⁾

(1).....

.....

.....

(2).....

.....

(3).....

.....

.....

2.2. Những nội dung các bên không thỏa thuận, thống nhất được:⁽²⁰⁾

(1).....

.....

.....

(2).....

.....

(3).....

.....

.....

III. Ý kiến của các bên về việc yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành

- Có yêu cầu

☐

- Không yêu cầu

☐

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút ngày tháng năm và được lập thành bản, mỗi bên giữ 01 bản, Tòa án nhân dân ⁽²¹⁾ lưu 01 bản.

**Các bên
tham gia hòa giải**
(Ký và ghi rõ họ tên
hoặc điểm chỉ)

**Thẩm phán
tham gia phiên họp**
(Ký, ghi rõ họ tên,
và đóng dấu)

Hòa giải viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 11-HG:

(1) (2) và (21) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ghi nhận kết quả hòa giải (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (2) và (21) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).

(3) và (4) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B). Trường hợp hòa giải yêu cầu thuận tình ly hôn thì ghi tên và địa chỉ của cả vợ và chồng.

(5), (6), (9), (10), (13) và (14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện/người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) và (8) Ghi như hướng dẫn tại (3) và (4), trừ trường hợp hòa giải yêu cầu thuận tình ly hôn thì không ghi nội dung này.

(11), (12), (15) và (16) Ghi như hướng dẫn tại điểm (3) và (4).

(17) Ghi tên Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại hoặc Thẩm phán khác do Chánh án Tòa án phân công tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải.

(18) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện/người yêu cầu đề nghị giải quyết.

(19) Ghi cụ thể lần lượt những nội dung các bên đã thỏa thuận, thống nhất được. Trường hợp các bên thuận tình ly hôn thì thỏa thuận của các bên phải có đầy đủ nội dung về việc ly hôn, việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, chồng, con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải của các bên liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người khác nhưng người đó không có mặt tại phiên hòa giải thì phải ghi rõ trong biên bản.

(20) Ghi cụ thể lần lượt những nội dung các bên không thỏa thuận, thống nhất được.

Mẫu số 12-HG¹² (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN...⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../QĐCNHGT-...⁽²⁾

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH **CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của⁽³⁾

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện⁽⁴⁾.... đề ngày.....tháng.....năm..... của⁽⁵⁾.....

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm..... về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ/một phần tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây⁽⁶⁾:

.....

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm... có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm..., cụ thể như sau⁽⁷⁾:

.....

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cấp tỉnh;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹² Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 12-HG:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).
 - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).
 - (3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.
 - (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.
 - (5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.
 - (6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
- (7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.

Mẫu số 13-HG¹³ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN ...⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../20..../QĐKCNHGT-....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

KHÔNG CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ Điều 32 và Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của⁽³⁾

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện⁽⁴⁾.... đề ngày.....tháng.....năm..... của⁽⁵⁾.....

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm..... về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ/một phần tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây⁽⁶⁾:

.....

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm... không đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, cụ thể⁽⁷⁾.....

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không công nhận kết quả hòa giải thành của các bên ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm...

2. Thẩm phán chuyên Quyết định này, Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và các tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹³ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 13-HG:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐKCNHGT-KDTM).

(3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi rõ lý do Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành.

Mẫu số 14-HG¹⁴ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN ...⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../20...../QĐCNTTLH⁽²⁾

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ ⁽³⁾..... của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của⁽⁴⁾

.....

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện/Đơn yêu cầu đề ngày.....tháng.....năm.... về việc yêu cầu ly hôn của⁽⁵⁾.....

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm...về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây⁽⁶⁾:

.....

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm... có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm..., cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

- Về con chung:

- Về tài sản chung:

¹⁴ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

- Về các vấn đề khác:

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cấp tỉnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 14-HG:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.
- (3) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Luật Hôn nhân và gia đình.
- (4) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các thỏa thuận khác của các bên tham gia hòa giải.
- (5) Ghi họ và tên của người khởi kiện/người yêu cầu. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Mẫu số 15-HG¹⁵ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../20...../QĐKCNTTLH⁽²⁾

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
KHÔNG CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ Điều 32 và Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ ⁽³⁾..... của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của⁽⁴⁾

.....

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện/Đơn yêu cầu đề ngày.....tháng.....năm.... về việc yêu cầu ly hôn của⁽⁵⁾.....

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm...về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây⁽⁶⁾:

.....

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm... không đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, cụ thể⁽⁷⁾:

.....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày...tháng...năm.....

2. Thẩm phán chuyên Quyết định này, Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và các tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

¹⁵ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 15-HG:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định không công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.
- (3) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Luật Hôn nhân và gia đình.
- (4) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các thỏa thuận khác của các bên tham gia hòa giải.
- (5) Ghi họ và tên của người khởi kiện/người yêu cầu. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.
- (7) Ghi lý do mà Tòa án không công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải.

Mẫu số 01-ĐT¹⁶ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TA

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
VỀ QUYỀN LỰA CHỌN ĐỐI THOẠI
VÀ LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN

Kính gửi:⁽²⁾

Địa chỉ:⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Là người khởi kiện trong khiếu kiện:⁽⁴⁾

Xét thấy khiếu kiện thuộc trường hợp đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 16 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Tòa án nhân dân⁽⁵⁾ thông báo cho⁽⁶⁾ biết:

⁽⁷⁾ có quyền lựa chọn đối thoại và lựa chọn 01 Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án⁽⁸⁾ hoặc Tòa án nhân dân khu vực khác trên cùng phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh để tiến hành đối thoại đối với vụ việc nêu trên. Trường hợp lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên thuộc Tòa án nhân dân khu vực khác với Tòa án nơi tiến hành đối thoại thì phải có sự đồng ý của Hòa giải viên được lựa chọn và Tòa án nơi Hòa giải viên đó làm việc.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo này, ⁽⁹⁾..... phải trả lời bằng văn bản cho Tòa án biết về việc đồng ý hoặc không đồng ý đối thoại tại Tòa án và họ tên, địa chỉ của Hòa giải viên mà mình lựa chọn (nếu có việc lựa chọn Hòa giải viên) về địa chỉ hoặc trả lời vào hòm thư điện tử, hoặc số fax

Trường hợp ⁽¹⁰⁾ trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến thì Tòa án sẽ lập biên bản ghi nhận ý kiến.

Kèm theo Thông báo này là danh sách Hòa giải viên tại Tòa án nhân dân⁽¹¹⁾

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ khiếu kiện.

CHÁNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹⁶ Mẫu này thay thế Mẫu số 01-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-ĐT:

(1) (5) (8) và (11) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (5) (8) và (11) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).

(2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(6), (7), (9) và (10) Nếu là cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị như hướng dẫn tại điểm (2) mà không phải ghi họ tên (ví dụ: cho Ông, cho Bà biết); nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó như hướng dẫn tại điểm (2).

Mẫu số 02-ĐT¹⁷ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO LẦN THỨ 2

VỀ QUYỀN LỰA CHỌN ĐỐI THOẠI VÀ LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN

Kính gửi: ⁽²⁾

Địa chỉ: ⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Là người khởi kiện trong khiếu kiện: ⁽⁴⁾

Xét thấy khiếu kiện thuộc trường hợp đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 4 và khoản 5 Điều 16 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Tòa án nhân dân⁽⁵⁾ thông báo lần thứ hai cho⁽⁶⁾

..... biết:

⁽⁷⁾ có quyền lựa chọn đối thoại và lựa chọn
01 Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án ⁽⁸⁾
hoặc Tòa án nhân dân khu vực khác trên cùng phạm vi địa giới hành chính cấp
tỉnh để tiến hành đối thoại đối với vụ việc nêu trên. Trường hợp lựa chọn Hòa
giải viên trong danh sách Hòa giải viên thuộc Tòa án nhân dân khu vực khác với
Tòa án nơi tiến hành đối thoại thì phải có sự đồng ý của Hòa giải viên được lựa
chọn và Tòa án nơi Hòa giải viên đó làm việc.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo này,
⁽⁹⁾ phải trả lời bằng văn bản cho Tòa án biết về việc đồng ý
hoặc không đồng ý đối thoại tại Tòa án và họ tên, địa chỉ của Hòa giải viên mà
mình lựa chọn (nếu có việc lựa chọn Hòa giải viên) về địa chỉ hoặc
trả lời vào hòm thư điện tử, hoặc số fax

Trường hợp ⁽¹⁰⁾ trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến thì
Tòa án sẽ lập biên bản ghi nhận ý kiến.

Hết thời hạn nêu trên mà ⁽¹¹⁾ không trả lời thì Tòa án sẽ tiến
hành các thủ tục đối thoại theo quy định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ khiếu kiện.

CHÁNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹⁷ Mẫu này thay thế Mẫu số 02-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02-ĐT:

(1) (5) và (8) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (5) (8) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).

(2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(6), (7), (9), (10) và (11) Nếu là cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị như hướng dẫn tại điểm (2) mà không phải ghi họ tên (ví dụ: cho Ông, cho Bà biết); nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó như hướng dẫn tại điểm (2).

Mẫu số 03-ĐT¹⁸ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
GHI NHẬN Ý KIẾN CỦA NGƯỜI KHỞI KIẾN
VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐỐI THOẠI, LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN

Hồi giờ phút ngày tháng năm

Tại

Người ghi nhận ý kiến:⁽¹⁾

đã tiến hành ghi nhận ý kiến của⁽²⁾

Địa chỉ:..... Là người khởi
kiện trong khiếu kiện⁽³⁾

Ý kiến của người khởi kiện như sau:

1. Lựa chọn đối thoại: Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

2. Lựa chọn Hòa giải viên: Có ☐ Không ☐

Hòa giải viên được lựa chọn: ⁽⁴⁾ Địa chỉ

.....

Thuộc danh sách Hòa giải viên của Tòa án⁽⁵⁾

Biên bản này được lập thành hai bản, một bản giao cho người khởi kiện và một bản lưu hồ sơ khiếu kiện. Biên bản đã được đọc lại cho người khởi kiện nghe và họ không có ý kiến gì khác.

NGƯỜI KHỞI KIẾN
(Ký tên, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

NGƯỜI GHI NHẬN Ý KIẾN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹⁸ Mẫu này thay thế Mẫu số 03-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 03-ĐT:

- (1) Ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ của người ghi nhận ý kiến và địa chỉ của Tòa án nơi ghi nhận ý kiến.
- (2) Ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ và địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người trình bày ý kiến.
- (3) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (4) và (5) Ghi thông tin mục này khi người khởi kiện, người yêu cầu có sự lựa chọn Hòa giải viên.

Mẫu số 04-ĐT¹⁹ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
VỀ Ý KIẾN CỦA HÒA GIẢI VIÊN
(Đối với trường hợp Hòa giải viên được lựa chọn không thuộc danh sách
Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện)

Kính gửi: - Tòa án nhân dân⁽¹⁾
- Tòa án nhân dân⁽²⁾
- (3)

Tôi tên là:

Là Hòa giải viên thuộc danh sách Hòa giải viên tại Tòa án ⁽⁴⁾

Tôi được người khởi kiện lựa chọn để tiến hành đối thoại đối với khiếu kiện⁽⁵⁾ giữa⁽⁶⁾
và do Tòa án nhân dân ⁽⁷⁾ đang giải quyết.

Ý kiến của tôi như sau: Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Vậy, tôi thông báo cho Tòa án nhân dân⁽⁸⁾, Tòa án nhân dân⁽⁹⁾ và người khởi kiện trong khiếu kiện trên được biết.

HÒA GIẢI VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹⁹ Mẫu này thay thế Mẫu số 04-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 04-ĐT:

- (1) (7) và (8) Ghi tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện.
- (2) (4) và (9) Ghi tên Tòa án nhân dân nơi Hòa giải viên làm việc.
- (3) Ghi tên người khởi kiện, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (6) Ghi tên người khởi kiện, người bị kiện như hướng dẫn tại điểm (3).

Mẫu số 05-ĐT²⁰ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
VỀ Ý KIẾN CỦA TÒA ÁN NƠI HÒA GIẢI VIÊN LÀM VIỆC
(Đối với trường hợp Hòa giải viên không thuộc danh sách Hòa giải viên
của Tòa án có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện)

Kính gửi: - Tòa án nhân dân⁽²⁾

- Ông/Bà⁽³⁾

Là Hòa giải viên thuộc danh sách Hòa giải viên tại Tòa án ⁽⁴⁾

.....

Tòa án nhân dân⁽⁵⁾ nhận được ý kiến đồng ý làm
Hòa giải viên của Ông/Bà⁽⁶⁾ đối với
khiếu kiện ⁽⁷⁾.....

giữa⁽⁸⁾ và
do Tòa án nhân dân⁽⁹⁾
đang giải quyết theo Thông báo của Hòa giải viên ngày

Ý kiến của Tòa án nhân dân⁽¹⁰⁾ như sau:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tòa án nhân dân⁽¹¹⁾ thông báo cho Tòa án nhân
dân⁽¹²⁾ và Hòa giải viên được biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ khiếu kiện.

CHÁNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

²⁰ Mẫu này thay thế Mẫu số 05-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 05-ĐT:

- (1) (4) (5) (10) và (11) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (4) (5) (10) và (11) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).
- (2) (9) và (12) Ghi tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện như hướng dẫn tại điểm (4).
- (3) và (6) Ghi họ tên Hòa giải viên được lựa chọn.
- (7) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (8) Ghi tên và địa chỉ người khởi kiện, Người bị kiện nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

Mẫu số 06-ĐT²¹ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐ-CDHGV

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH HÒA GIẢI VIÊN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽²⁾

Căn cứ các điều 16, 17 và 19 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án⁽³⁾;

Xét đơn khởi kiện ngày và các tài liệu, chứng cứ liên quan
đến khiếu kiện ⁽⁴⁾

giữa: ⁽⁵⁾ và

Xét ⁽⁶⁾

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định Ông/Bà.....thuộc danh sách Hòa giải viên
tại Tòa án⁽⁷⁾
làm Hòa giải viên tiến hành đối thoại đối với khiếu kiện nêu trên.

2. Hòa giải viên có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Hòa giải, đối
thoại tại Tòa án.

3. Hòa giải viên, các bên tham gia đối thoại chịu trách nhiệm thi hành quyết
định này.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký⁽⁸⁾.

Nơi nhận:

- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hòa giải viên⁽⁹⁾;
- Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc;
- Lưu hồ sơ khiếu kiện.

THẨM PHÁN PHỤ TRÁCH

HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

²¹ Mẫu này thay thế Mẫu số 06-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định
tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 06-ĐT:

- (1) và (2) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).
- (3) Trường hợp thay đổi Hòa giải viên theo căn cứ quy định tại Điều 18 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì bổ sung thêm căn cứ Điều 18.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (5) Ghi tên và địa chỉ người khởi kiện, người bị kiện; nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).
- (6) Tùy từng trường hợp quy định tại Điều 17 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án mà ghi cơ sở để ra quyết định chỉ định Hòa giải viên là “Xét lựa chọn Hòa giải viên của người khởi kiện”, “Xét lựa chọn Hòa giải viên của người khởi kiện và sự đồng ý của Hòa giải viên được lựa chọn và Tòa án nơi Hòa giải viên đó làm việc”, “Xét thỏa thuận lựa chọn Hòa giải viên của các bên”, “Xét việc người khởi kiện không lựa chọn Hòa giải viên”. Nếu là quyết định thay đổi Hòa giải viên theo sự đề nghị của người bị kiện thì ghi “Xét đề nghị thay đổi Hòa giải viên của người bị kiện”.
- (7) Ghi tên Tòa án nhân dân nơi Hòa giải viên làm việc theo hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Trường hợp thay đổi Hòa giải viên thì ghi thêm cụm từ “và thay thế Quyết định số ngày....”.
- (9) Trường hợp thay đổi Hòa giải viên thì gửi quyết định cho Hòa giải viên được chỉ định và cho Hòa giải viên bị thay đổi.

Mẫu số 07-ĐT²² (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHUYỂN VỤ VIỆC SANG ĐỐI THOẠI

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽²⁾

Căn cứ các điều 16, 17 và 19 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Xét đơn khởi kiện ngày và các tài liệu, chứng cứ liên quan
đến khiếu kiện⁽³⁾

giữa: ⁽⁴⁾..... và

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽⁵⁾.....

THÔNG BÁO:

1. Tòa án nhân dân ⁽⁶⁾ đã chuyển vụ việc sang
đối thoại.

2. Thông báo cho: ⁽⁷⁾
biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo này,
người bị kiện phải trả lời cho Tòa án biết về việc đồng ý hoặc không đồng ý tiến
hành đối thoại và Hòa giải viên đã được chỉ định. Người bị kiện có thể trả lời
bằng văn bản về địa chỉ hoặc trả lời vào hòm thư điện tử
....., hoặc số fax

Trường hợp người bị kiện trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến thì Tòa án
lập biên bản ghi nhận ý kiến.

Nơi nhận:

- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hòa giải viên;
- Lưu hồ sơ khiếu kiện.

THẨM PHÁN PHỤ TRÁCH

HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

²² Mẫu này thay thế Mẫu số 07-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định
tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 07-ĐT:

(1) (2) và (6) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: (1) và (2) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (6) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).

(3) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(4) và (5) Ghi tên và địa chỉ người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(7) Ghi tên người được gửi thông báo. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

Mẫu số 08-ĐT²³ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/20...../GM-ĐT

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY MỜI THAM GIA PHIÊN ĐỐI THOẠI

Kính gửi:⁽²⁾

Địa chỉ:⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Tòa án nhân dân ⁽⁴⁾ kính mời Ông/Bà đúng giờ phút,
ngày ... tháng ... năm, có mặt tại ⁽⁵⁾..... (địa chỉ)
để tham gia đối thoại về việc ⁽⁶⁾..... giữa:

Người khởi kiện:

Người bị kiện:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nội dung khởi kiện: ⁽⁷⁾

1

2

Sự có mặt của Ông/Bà với thiện chí và nỗ lực sẽ giúp việc giải quyết
tranh chấp, khiếu kiện nhanh chóng và hiệu quả.

Nếu Ông/Bà có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với Hòa giải viên
⁽⁹⁾....., số điện thoại..... để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

HÒA GIẢI VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

²³ Mẫu này thay thế Mẫu số 08-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 08-ĐT:

- (1) và (4) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực gửi giấy mời (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (4) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).
- (2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).
- (5) Ghi rõ địa điểm, địa chỉ sẽ diễn ra phiên đối thoại.
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (7) Ghi tóm tắt nội dung các yêu cầu, khiếu kiện của người khởi kiện.
- (8) Ghi tên Hòa giải viên được chỉ định đối thoại khiếu kiện.

Mẫu số 09-ĐT²⁴ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../GM-ĐT

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY MỜI
THAM GIA PHIÊN HỌP GHI NHẬN KẾT QUẢ ĐỐI THOẠI**

Kính gửi:⁽²⁾

Địa chỉ:⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Tòa án nhân dân ⁽⁴⁾ kính mời Ông/Bà đúng giờ phút,
ngày tháng năm, có mặt tại Tòa án nhân dân
(địa chỉ) để tham gia phiên họp ghi nhận kết quả đối
thoại về việc ⁽⁵⁾ giữa:

Người khởi kiện:

Người bị kiện:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nội dung khởi kiện: ⁽⁶⁾

1

2

Sự có mặt của Ông/Bà với thiện chí và nỗ lực sẽ giúp việc giải quyết
tranh chấp, khiếu kiện nhanh chóng và hiệu quả.

Nếu Ông/Bà có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với Hòa giải viên
⁽⁷⁾, số điện thoại để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

HÒA GIẢI VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

²⁴ Mẫu này thay thế Mẫu số 09-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định
tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 09-ĐT:

- (1) và (4) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực gửi giấy mời (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (4) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).
- (2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (6) Ghi tóm tắt nội dung các yêu cầu, khiếu kiện của người khởi kiện.
- (7) Ghi tên Hòa giải viên được chỉ định đối thoại khiếu kiện.

Mẫu số 10-ĐT²⁵ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/20...../TB-ĐT

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO HOÀN PHIÊN HỌP GHI NHẬN KẾT QUẢ ĐỐI THOẠI

Kính gửi:⁽²⁾

Địa chỉ:⁽³⁾

Số điện thoại:; số fax:(nếu có).

Địa chỉ thư điện tử: (nếu có).

Thành phần tham gia phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại gồm có:

- Hòa giải viên:

- Người khởi kiện: ⁽⁴⁾

Địa chỉ: ⁽⁵⁾

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ⁽⁶⁾

Địa chỉ: ⁽⁷⁾

- Người bị kiện: ⁽⁸⁾

Địa chỉ: ⁽⁹⁾

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ⁽¹⁰⁾

Địa chỉ: ⁽¹¹⁾

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽¹²⁾

Địa chỉ: ⁽¹³⁾

Người đại diện hợp pháp của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽¹⁴⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁵⁾

- Người phiên dịch: ⁽¹⁶⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁷⁾

- Thẩm phán tham gia phiên họp: ⁽¹⁸⁾

²⁵ Mẫu này thay thế Mẫu số 10-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Theo dự kiến, ngày ... tháng ... năm ..., phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại giữa⁽¹⁹⁾ và diễn ra tại Tòa án nhân dân..... Tuy nhiên, xét thấy⁽²⁰⁾
.....
Căn cứ⁽²¹⁾

Hòa giải viên hoãn phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại nêu trên. Thời gian mở lại phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại sẽ được thông báo sau.

Nếu Ông/Bà có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với Hòa giải viên qua số điện thoại..... để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

HÒA GIẢI VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 10-DT:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra thông báo (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).

(2) và (3) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(4), (5), (8), (9), (12), (13), (16) và (17) Ghi như hướng dẫn tại điểm (2) và điểm (3).

(6), (7), (10), (11), (14) và (15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(18) Ghi tên Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại hoặc Thẩm phán khác do Chánh án Tòa án phân công tham gia phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại.

(19) Ghi tên người khởi kiện, người bị kiện như hướng dẫn tại điểm (2).

(20) Ghi rõ lý do của việc hoãn phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (ví dụ: Xét thấy người bị kiện đã được Hòa giải viên thông báo hợp lệ mà vắng mặt vì bị tai nạn lao động phải đi cấp cứu tại bệnh viện,...).

(21) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Điều 29 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Mẫu số 11-ĐT²⁶ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GHI NHẬN KẾT QUẢ ĐỐI THOẠI

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày tháng năm

Tại Tòa án nhân dân ⁽²⁾

I. Thành phần tham gia:

- Hòa giải viên:

- Người khởi kiện: ⁽³⁾

Địa chỉ: ⁽⁴⁾

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ⁽⁵⁾

Địa chỉ: ⁽⁶⁾

- Người bị kiện: ⁽⁷⁾

Địa chỉ: ⁽⁸⁾

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ⁽⁹⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁰⁾

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽¹¹⁾

Địa chỉ: ⁽¹²⁾

Người đại diện hợp pháp của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽¹³⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁴⁾

- Người phiên dịch: ⁽¹⁵⁾

Địa chỉ: ⁽¹⁶⁾

- Thẩm phán tham gia phiên họp: ⁽¹⁷⁾

Đã tiến hành phiên đối thoại để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết khiếu kiện ⁽¹⁸⁾

II. Kết quả đối thoại:

²⁶ Mẫu này thay thế Mẫu số 11-ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-TANDTC, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Quá trình đối thoại tại Tòa án đã được tiến hành phù hợp và theo đúng quy định, trên tinh thần chủ động và tự nguyện của các bên. Kết quả đối thoại cụ thể như sau:

2.1. Những nội dung các bên đã thống nhất được:⁽¹⁹⁾

(1).....

.....

(2).....

.....

(3).....

.....

2.2. Những nội dung các bên không thống nhất được:⁽²⁰⁾

(1).....

.....

(2).....

.....

(3).....

.....

III. Ý kiến của các bên về việc yêu cầu Tòa án công nhận kết quả đối thoại thành

- Có yêu cầu ☐

- Không yêu cầu ☐

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút ngày..... tháng năm và được lập thành bản, mỗi bên giữ 01 bản, Tòa án nhân dân ⁽²¹⁾..... lưu 01 bản.

**Các bên
tham gia đối thoại**
(Ký và ghi rõ họ tên
hoặc điểm chỉ)

**Thẩm phán
tham gia phiên họp**
(Ký, ghi rõ họ tên,
và đóng dấu)

Hòa giải viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 11-ĐT:

(1) (2) và (21) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ghi nhận kết quả đối thoại (ví dụ: (1) TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI; (2) và (21) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội).

(3) và (4) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Anh Trần Văn B).

(5), (6), (9), (10), (13) và (14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7), (8), (11), (12), (15) và (16) Ghi như hướng dẫn tại điểm (3) và (4).

(17) Ghi tên Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại hoặc Thẩm phán khác do Chánh án Tòa án phân công tham gia phiên họp ghi nhận kết quả đối thoại.

(18) Ghi quan hệ tranh chấp/yêu cầu mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(19) Ghi cụ thể lần lượt những nội dung các bên đã thống nhất được. Trường hợp nội dung thống nhất đối thoại của các bên liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người khác nhưng người đó không có mặt tại phiên đối thoại thì phải được ghi rõ trong biên bản.

(20) Ghi cụ thể lần lượt những nội dung các bên không thống nhất được.

Mẫu số 12-ĐT²⁷ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../20..../QĐCNĐTT-HC⁽²⁾

....., ngày, ... tháng ... năm.....

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐỐI THOẠI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn yêu cầu công nhận kết quả đối thoại thành của⁽³⁾

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện⁽⁴⁾.... đề ngày.....tháng.....năm..... của⁽⁵⁾

- Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại ngày...tháng...năm..... về việc thống nhất giải quyết toàn bộ/một phần khiếu kiện của các bên tham gia đối thoại sau đây⁽⁶⁾:

.....
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả đối thoại thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại ngày...tháng...năm... có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả đối thoại thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại ngày...tháng...năm..., cụ thể như sau⁽⁷⁾:

.....
2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính và được thi hành theo quy định của pháp luật về tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia đối thoại;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cấp tỉnh;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

²⁷ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 12-ĐT:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành tại Tòa án (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.

(3) Ghi họ và tên người yêu cầu công nhận kết quả đối thoại thành.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia đối thoại, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi đầy đủ lần lượt các nội dung thống nhất của các bên tham gia đối thoại về từng vấn đề đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả đối thoại.

Mẫu số 13-ĐT²⁸ (Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../20...../QĐKCNĐTT-HC⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH **KHÔNG CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐỐI THOẠI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ Điều 32 và Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn yêu cầu công nhận kết quả đối thoại thành của⁽³⁾

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện⁽⁴⁾.... đề ngày....tháng.....năm..... của⁽⁵⁾

- Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại ngày...tháng...năm..... về việc thống nhất giải quyết toàn bộ/một phần khiếu kiện của các bên tham gia đối thoại sau đây⁽⁶⁾:.....

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả đối thoại thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại ngày...tháng...năm... không đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, cụ thể⁽⁷⁾:

.....

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không công nhận kết quả đối thoại thành của các bên tại Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại ngày...tháng...năm.....

2. Thẩm phán chuyển Quyết định này, Biên bản ghi nhận kết quả đối thoại và các tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia đối thoại;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

²⁸ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Hướng dẫn sử dụng mẫu số 13-ĐT:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định không công nhận kết quả đối thoại thành tại Tòa án (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI).
 - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.
 - (3) Ghi họ và tên người yêu cầu công nhận kết quả đối thoại thành.
 - (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.
 - (5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.
 - (6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia đối thoại, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).
- (7) Ghi lý do mà Tòa án không công nhận kết quả đối thoại thành.